

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 18/6/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nho Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Phan Thị Thanh Dung

+ Ông Nguyễn Tấn Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2020/TLST-KDTM ngày 12/6/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: số A, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Q (Công ty MBAMC), địa chỉ: Tầng G, tòa nhà B, đường P, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P, chức vụ: Tổng Giám đốc theo văn bản ủy quyền số 154/UQ.MB-MBAMC ngày 18/3/2021.

Ông Phạm Văn P ủy quyền cho ông Đặng Quốc Th - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo văn bản ủy quyền số 15551/UQ-MBAMC ngày 18/3/2021.

Ông Đặng Quốc Thủy quyền lại cho bà Đinh Thị L – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ MBAMC. Bà Đinh Thị L ủy quyền lại cho ông Huỳnh Lê Thanh

H theo văn bản ủy quyền số 2649/UQ-MBAMC ngày 10/5/2021 (có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần T.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Phồn Q, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng hương mại cổ phần Q trình bày:

Ngân hàng hương mại cổ phần Q và Công ty cổ phần T có giao kết hợp đồng cấp tín dụng theo thỏa thuận chung ngày 14/3/2016. Cụ thể như sau: hợp đồng cấp tín dụng số 8287.16.331.1714288.TD ngày 14/3/2016, mục đích vay thanh toán tiền thuê đất, tiền vay 2.730.000.000 đồng; hợp đồng cho vay số 13281.17.331.1714288.TD ngày 28/7/2017 mục đích vay mua máy cắt Plasma CNC, tiền vay 3.064.000.000 triệu đồng, hợp đồng cấp tín dụng số 14243.18.331.1714288.TD ngày 21/8/2018, mục đích vay hạn mức kinh doanh, tiền vay 25.000.000.000 đồng, hợp đồng cấp tín dụng số 12268.19.331.1714288.TD ngày 22/4/2019 mục đích vay hạn mức kinh doanh, tiền vay 25.000.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, Công ty Cổ phần T đã thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa số 3, tờ bản đồ số 01 khu công nghiệp hậu cần Cảng T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 690525 ngày 11/8/2014 theo hợp đồng thế chấp số 8195.16.331.1714288.BĐ ngày 16/3/2016; Máy cắt Plasma CNC SPC – 20120 và các phụ tùng đi kèm, chi tiết theo hợp đồng mua bán thiết bị số HD1805/2017TH-SV ngày 18/5/2017 giữa Công ty CP T và Công ty CP tự động hóa Sơn Vũ theo hợp đồng thế chấp số 120076.17.331.1714288.BĐ ngày 21/7/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 12.887.928.038 đồng và nợ lãi tính đến ngày 15/6/2020 là 1.259.719.382 đồng. Trường hợp bị đơn không trả thì phải phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ

Người đại diện của Bị đơn Công ty cổ phần T trình bày:

Công ty cổ phần T có giao kết hợp đồng cấp tín dụng theo thỏa thuận chung ngày 14/3/2016 với Ngân hàng hương mại cổ phần Q, cụ thể như sau: Cụ thể như sau: hợp đồng cấp tín dụng số 8287.16.331.1714288.TD ngày 14/3/2016, mục đích vay thanh toán tiền thuê đất, tiền vay 2.730.000.000 đồng; hợp đồng cho vay số 13281.17.331.1714288.TD ngày 28/7/2017 mục đích vay mua máy cắt Plasma CNC, tiền vay 3.064.000.000 triệu đồng, hợp đồng cấp tín dụng số 14243.18.331.1714288.TD ngày 21/8/2018, mục đích vay hạn mức kinh doanh, tiền

vay 25.000.000.000 đồng, hợp đồng cấp tín dụng số 12268.19.331.1714288.TD ngày 22/4/2019 mục đích vay hạn mức kinh doanh, tiền vay 25.000.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty Cổ phần T đã thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa số 3, tờ bản đồ số 01 khu công nghiệp hậu cần Cảng T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 690525 ngày 11/8/2014 theo hợp đồng thế chấp số 8195.16.331.1714288.BĐ ngày 16/3/2016; Máy cắt Plasma CNC SPC – 20120 và các phụ tùng đi kèm, chi tiết theo hợp đồng mua bán thiết bị số HD1805/2017TH-SV ngày 18/5/2017 giữa Công ty CP T và Công ty CP tự động hóa Sơn Vũ theo hợp đồng thế chấp số 120076.17.331.1714288.BĐ ngày 21/7/2017.

Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 12.887.928.038 đồng và nợ lãi tính đến ngày 15/6/2020 là 1.259.719.382 đồng. Tuy nhiên do Công ty cổ phần T đang trong tình hình tài chính khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ gốc 12.887.928.038 đồng và nợ lãi tính đến ngày 15/6/2020 là 1.259.719.382 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Công ty cổ phần T có nhu cầu vay vốn và đã được Ngân hàng thương mại cổ phần Q cấp tín dụng theo thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tại Ngân hàng thương mại Q ngày 14/3/2016, cụ thể như sau: hợp đồng cấp tín dụng số 8287.16.331.1714288.TD ngày 14/3/2016, mục đích vay thanh toán tiền thuê đất, tiền vay 2.730.000.000 đồng; hợp đồng cho vay số 13281.17.331.1714288.TD ngày 28/7/2017 mục đích vay mua máy cắt Plasma CNC, tiền vay 3.064.000.000 triệu đồng, hợp đồng cấp tín dụng số 14243.18.331.1714288.TD ngày 21/8/2018, mục đích vay hạn mức kinh doanh, tiền vay 25.000.000.000 đồng, hợp đồng cấp tín dụng số 12268.19.331.1714288.TD ngày 22/4/2019 mục đích vay hạn mức kinh doanh, tiền vay 25.000.000.000 đồng. Trong

quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 12.887.928.038 đồng và nợ lãi tính đến ngày 15/6/2020 là 1.259.719.382 đồng. Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy hợp đồng tín dụng được giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực, số tiền nợ gốc 12.887.928.038 đồng và lãi tính đến ngày 15/6/2020 là 1.259.719.382 đồng được các đương sự thừa nhận. Việc bị đơn không trả số tiền này cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty cổ phần T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ gốc 12.887.928.038 đồng và nợ lãi tính đến ngày 15/6/2020 là 1.259.719.382 đồng.

[4]. Để đảm bảo cho các khoản vay công ty cổ phần T đã thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa số 3, tờ bản đồ 01 khu công nghiệp hậu cần Cảng T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 690525 ngày 11/8/2014 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8195.16.331.1714288.BĐ do phong công chứng số 1 tỉnh Quảng Nam chứng nhận ngày 16/3/2016; Máy cắt Plasma CNC SPC – 20120 và các phụ tùng đi kèm, chi tiết theo hợp đồng mua bán thiết bị số HD1805/2017TH-SV ngày 18/5/2017 giữa Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần tự động hóa Sơn Vũ theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 120076.17.331.1714288.BĐ ngày 21/7/2017. Trường hợp công ty cổ phần T không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của công ty cổ phần T gồm: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa số 3, tờ bản đồ 01 khu công nghiệp hậu cần Cảng T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 690525 ngày 11/8/2014 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8195.16.331.1714288.BĐ do phong công chứng số 1 tỉnh Quảng Nam chứng nhận ngày 16/3/2016; Máy cắt Plasma CNC SPC – 20120 và các phụ tùng đi kèm, chi tiết theo hợp đồng mua bán thiết bị số HD1805/2017TH-SV ngày 18/5/2017 giữa Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần tự động hóa S theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 120076.17.331.1714288.BĐ ngày 21/7/2017 để đảm bảo thu hồi nợ.

[5]. Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn công ty cổ phần T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do

Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng nên công ty cổ phần T phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 299, Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn Công ty cổ phần T.

Buộc Công ty cổ phần T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ gốc 12.887.928.038đ (*mười hai tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu chín trăm hai mươi tám nghìn không trăm ba mươi tám đồng*) và nợ lãi tính đến ngày 15/6/2020 là 1.259.719.382đ (*một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười chín nghìn ba trăm tám mươi hai đồng*).

Kể từ ngày 16/6/2020, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp công ty cổ phần T không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của công ty cổ phần T gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa số 3, tờ bản đồ 01 khu công nghiệp hậu cần Cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 690525 ngày 11/8/2014 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8195.16.331.1714288.BĐ do phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Nam chứng nhận ngày 16/3/2016; Máy cắt Plasma CNC SPC – 20120 và các phụ tùng đi kèm, chi tiết theo hợp đồng mua bán thiết bị số HD1805/2017TH-SV ngày 18/5/2017 giữa Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần tự động hóa Sơn Vũ theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 120076.17.331.1714288.BĐ ngày 21/7/2017 ngày 21/7/2017 để đảm bảo thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: công ty cổ phần T chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại Q số tiền 5.000.000 đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần phần T phải chịu 122.147.000 (*một trăm hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn*) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 61.017.000 (*sáu mươi một triệu không trăm mười bảy nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0004798 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty cổ phần T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THA huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Nho Hoàng